

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỎ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26-3-2021.

V/v: “Không công nhận quan hệ
vợ chồng”

NH DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỎ – TỈNH HẢI DƯƠNG**

- **Thành phần hội đồng xét xử gồm có**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thuý Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hương Giang, bà Nguyễn Thị Thúy.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Mạnh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cỏ, tỉnh Hải Dương.

- **Đ diện VKSND huyện Cỏ tham gia phiên tòa:** Bà Tống Thị Ngọc Ánh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Cỏ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/12/2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/03/2021; **Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2021**, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị C, sinh năm 1973.(Có mặt)

- Bị đơn: Anh Đ, sinh năm 1964.(Vắng mặt)

ĐKKHKT: xã Th L, huyện ThH, tỉnh ThH

ĐK tạm trú: Thôn HH, xã CĐ, huyện Cỏ, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết tại Tòa án, nguyên đơn trình bày: Chị C và anh Đ có được tự do tìm hiểu và từ nguyện chung sống với nhau từ ngày 15/7/1994 đến nay nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị chung sống với nhau tại xã ThL, huyện ThH tỉnh ThH cho đến tháng 4 năm 2013 thì chuyển về thôn HH, xã CĐ, huyện Cỏ, tỉnh Hải Dương sinh sống đến nay. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ hay uống rượu rồi gây gỗ, đánh đập chị nhiều lần khiến chị phải đi bệnh viện điều trị. Tuy nhiên, chị không yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết về vấn đề này. Chị

đã cố gắng nhẫn nhịn để các con có bố trong thời gian dài. Đến nay, chị không thể chịu đựng được nữa. Chị không còn tình cảm với anh Đ. Chị đề nghị Tòa án cho chị ly hôn anh Đ hoặc không công nhận quan hệ giữa chị và anh Đ là vợ chồng vì anh chị không có đăng ký kết hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là TThNN, sinh ngày 15/11/1995 và T H H, sinh ngày 03/5/2009. Cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên chị không có đề nghị gì. Cháu H đang ở cùng anh chị. Chị đề nghị được nuôi cháu H đến khi con chung thành niên. Chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án tại Tòa án, bị đơn trình bày: Anh Đ và chị C có được tự do tìm hiểu và chung sống cùng nhau từ năm 1994 đến nay nhưng không tổ chức đám cưới, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do anh chị không đăng ký kết hôn là vì trước khi chung sống cùng nhau, anh chị đều đã có gia đình và đã ly hôn. Anh chị chung sống cùng nhau ở Thanh Hóa vài năm rồi chuyển vào miền Nam một thời gian. Đến năm 2013, anh chị về thôn HH, xã CD, huyện CG sinh sống đến nay. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị không hợp nhau. Anh Đ có đánh chị C nhiều lần. Hai năm trở lại đây, anh chị không nói chuyện được với nhau. Mặc dù vậy, anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị C. Anh không đồng ý ly hôn. Anh sẽ giảm việc uống rượu và không đánh, chửi chị C nữa. Anh chị sẽ đi đăng ký kết hôn, cùng nhau chăm lo gia đình, nuôi con.

Về con chung: Anh chị có hai con chung như chị C trình bày. Cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không có đề nghị gì. Nếu anh và chị C không chung sống cùng nhau nữa, anh đồng ý giao cháu H cho chị C nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh sẽ có trách nhiệm với cháu H.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh tại địa phương:

UBND xã ThL, huyện ThH và xã HL, huyện HL, tỉnh ThH cung cấp: Anh Đ quê quán tại xã HL, huyện HL, tỉnh ThH. Anh Đ và chị C có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã ThL, huyện ThH, tỉnh ThH và sinh sống tại xã ThL đến năm 1997 thì đi khỏi địa phương. Anh Đ và chị C chung sống cùng nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại hai địa phương trên.

Công an xã CD cung cấp: Anh Đ và chị C đăng ký tạm trú tại thôn HH, xã CD, huyện CG, tỉnh Hải Dương từ trước năm 2018 đến nay. Hiện tại, anh Đ chị C vẫn thường xuyên sinh sống ở địa chỉ trên. Gần đây chị C có đến báo cáo công an xã về việc chị bị anh Đ đánh đập. Công an xã đã hướng dẫn chị C làm đơn trình báo. Sau đó, không thấy chị C có yêu cầu đề nghị gì nên Công an xã Cẩm Điền chưa xem xét, giải quyết.

UBND xã CD cung cấp: Anh Đ chị C thuê đất làm ăn và tạm trú tại địa phương khoảng 5-6 năm nay. Kiểm tra sổ sách về việc đăng ký kết hôn của công dân còn lưu trữ tại địa phương từ năm 2013 đến nay, không có tên anh Đ chị C. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi nhau, đánh nhau. Nguyên nhân là do

anh Đ cục tính, hay uống rượu và nhiều lần đánh chị C. Anh chị có hai con chung, cháu lớn đã trưởng thành, cháu nhỏ đang học tại trường THCS Cẩm Điền. Anh chị đều có chỗ ở ổn định, có thu nhập và đủ điều kiện nuôi con chung.

Cháu T H H có nguyện vọng được ở với chị C nếu anh chị không còn chung sống với nhau.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C giữ nguyên yêu cầu được ly hôn anh Đ hoặc đề nghị Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng vì anh chị chung sống với nhau từ ngày 15/7/1994 đến nay không có đăng ký kết hôn. Chị xin được nuôi cháu H, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Chị kinh doanh đồ gỗ và làm nghề mộc, thu nhập bình quân 10.000.000đ/tháng. Chị có nhà đất riêng để ở nên có đủ khả năng và điều kiện nuôi con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức chung.

Đ diện Viện kiểm sát nH dân huyện CG, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội thẩm nH dân, Thư ký Tòa án và các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội thẩm nH dân, Thư ký Tòa án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nH và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị C. Không công nhận quan hệ giữa chị C và anh Đ là vợ chồng. Giao cháu TH H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của nguyên đơn, bị đơn đã được tranh tụng tại phiên tòa, bài phát biểu của Đ diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Anh Đ đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nH: Chị C và anh Đ đều xác định anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994 và không tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Anh chị chung sống với nhau từ đó đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống, anh chị có nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, đánh nhau nhiều lần. Lời khai của anh chị về việc không có đăng ký kết hôn và mâu thuẫn của anh chị trong quá trình chung sống phù hợp với nhau, phù hợp với cung cấp của địa phương nơi anh chị có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi anh chị hiện đang thường xuyên sinh sống. Việc anh Đ và

chị C chung sống với nhau nhưng không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó, HĐXX không công nhận quan hệ giữa chị C và anh Đ là vợ chồng là phù hợp quy định tại Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

[3]. Về con chung: Anh chị có hai con chung là N, sinh ngày 15/11/1995 và H, sinh ngày 03/5/2009. Cháu N đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh chị không có đề nghị gì. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Cháu H đang ở cùng anh chị. Nếu anh chị không chung sống cùng nhau nữa, anh chị thống nhất giao cháu H cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C. Thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng của cháu H, phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 9, Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không công nhận quan hệ giữa chị C và anh Đ là vợ chồng.

2. Về con chung:

Con chung là N, sinh ngày 15/11/1995 đã trưởng thành và có gia đình riêng, anh chị không có đề nghị gì. Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Giao con chung là TH H, sinh ngày 03/5/2009 cho chị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 3 năm 2021 đến khi con chung thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị C.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay nợ chung, công sức chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000253 ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CG, tỉnh Hải Dương. Chị C đã thi hành xong tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện CG;
- Chi cục thi hành án huyện CG;
- Các đương sự;
- Lưu VP TA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thúy Hằng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thúy Hằng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG
TỈNH HẢI D- ƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP Hải D- ơng, ngày 30 tháng 12 năm 2016

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI D- ƠNG
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà **Phạm Thúy Hằng**.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan và ông **Lê Văn C-**

Vào hồi giờ phút ngày 30 tháng 12 năm 2016, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân và gia đình, giữa nguyên đơn chị Lê Thị Th- ơng và bị đơn anh Cao Duy H- ơng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đ- ơng sự, đại diện viện kiểm sát.

Hội đồng xét xử thảo luận và thống nhất 100%, biểu quyết 3/3 những vấn đề sau:

Áp dụng: Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 8 Điều 27 - Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ vợ chồng: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Thương và anh Cao Duy Hưng.

2. Về quan hệ con chung: Khi ly hôn, giao cháu Cao Thị Tố Như, sinh ngày 15/9/2011 cho anh Cao Duy Hưng; giao cháu Cao Nguyên Phúc, sinh ngày 04/01/2014 cho chị Lê Thị Thương trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ tháng 01 năm 2017 đến khi các con chung tròn 18 tuổi.

Chị Thương, anh Hưng không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau và đều được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở nhưng không

được lạm dụng quyền thăm nom con chung để gây cản trở việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung của nhau.

3. Về án phí: Chị Lê Thị Thương phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Đối trừ khoản tiền tạm ứng án phí mà chị Thương đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AB/2014/006380 ngày 06/10/2016 của Chi cục thi hành án dân sự TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương, chị Thương đã thi hành xong nghĩa vụ án phí.

4. Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biên bản lập xong vào hồi giờ phút cùng ngày. Các thành viên hội đồng xét xử cùng đọc lại nhất trí ký tên.

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

Phạm Thúy Hằng